



KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

HUYỀN HẢI ĐĂNG

Du lịch cộng đồng bắt đầu phát triển mạnh ở các quốc gia khu vực châu Á, trong đó có khu vực ASEAN như Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và các nước khác như: Ấn Độ, Đài Loan... Nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đã có kinh nghiệm trong triển khai các giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng. Trong đó, liên kết kinh tế giữa các chủ thể kinh tế tham gia phát triển du lịch cộng đồng được xem là một trong những giải pháp quan trọng. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về liên kết kinh tế trong phát triển du lịch cộng đồng của 03 nước: Thái Lan, Malaysia, Indonesia và một số gợi mở cho Việt Nam.

Từ khóa: Kinh nghiệm quốc tế, liên kết kinh tế, du lịch cộng đồng

INTERNATIONAL EXPERIENCE IN ECONOMIC LINKAGES FOR COMMUNITY TOURISM DEVELOPMENT

Huyen Hai Dang

Community tourism has seen significant growth in various Asian countries, particularly in the ASEAN region, including Indonesia, Malaysia, the Philippines, Thailand, as well as other countries like India and Taiwan. Many nations and regions have gained experience in implementing solutions for community tourism development. Among these solutions, economic linkages among economic entities involved in community tourism development are considered crucial. This article explores the international experiences in economic linkages for community tourism development in three countries: Thailand, Malaysia, and Indonesia, and provides some insights for Vietnam.

Keywords: International experience, economic linkages, community tourism

Ngày nhận bài: 8/9/2023

Ngày hoàn thiện biên tập: 13/9/2023

Ngày duyệt đăng: 19/9/2023

Kinh nghiệm của Thái Lan

Trong khu vực Đông Nam Á, Thái Lan là một trong những nước đi tiên phong trong lĩnh vực phát triển du lịch cộng đồng (DLCD), trong đó yếu tố doanh nghiệp du lịch được Chính phủ Thái Lan quan tâm đầu tư nguồn lực cho phát triển, có nhiều bước đi tiên phong. Ở Thái Lan, nhắc tới DLCD thì

không thể thiếu vai trò của các doanh nghiệp xã hội và những năm qua, cùng với sự phát triển chung của ngành du lịch, DLCD đã đạt được khá nhiều thành công.

Từ năm 2009, nhiều chương trình hành động thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội của Chính phủ Thái Lan đã được triển khai mạnh mẽ và đạt được nhiều thành quả. Chính phủ Thái Lan đã có nhiều ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực du lịch, cho phép doanh nghiệp được hưởng lợi tức lên tới 20%/năm, được Nhà nước hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn đầu tư và các nguồn lực khác. Ngược lại, doanh nghiệp khi tham gia hoạt động DLCD bắt buộc phải giải quyết được các vấn đề xã hội, cộng đồng, môi trường (Vũ Hương Giang (2019)).

Nhận thức tầm quan trọng của du lịch đối với sự phát triển quốc gia, Thái Lan chủ trương phát triển hoạt động du lịch một cách bền vững với việc hỗ trợ các cộng đồng phát triển du lịch dựa vào những yếu tố hấp dẫn bản địa đặc trưng. Tuy nhiên, để mang lại sự hài lòng cao nhất cho du khách khi trải nghiệm các hoạt động DLCD, những hộ dân tại địa phương khi tham gia liên kết kinh tế (LKKT) trong phát triển DLCD sẽ được trải qua những khóa đào tạo nâng cao năng lực phục vụ khách du lịch. Nội dung của các khóa đào tạo bao gồm từ việc hoạch định, điều hành chương trình du lịch, triển khai các hoạt động marketing đến việc quản lý nhóm cộng đồng cung cấp dịch vụ DLCD. Đồng thời, các chủ thể tham gia vào LKKT cũng được đào tạo cách phân bổ lợi nhuận thu được từ hoạt động DLCD tới các nhà cung cấp

dịch vụ, cách đóng góp vào những hoạt động góp phần vào sự phát triển của cộng đồng. Chính những hoạt động định hướng và đào tạo như trên đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về hoạt động DLCĐ, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho du khách.

Thái Lan đã triển khai những hoạt động bảo tồn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống nhằm hướng tới các hoạt động DLCĐ bền vững. Tiêu biểu cho các hoạt động này là việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh lưu trú tại nhà người dân địa phương (homestay) cũng như những hoạt động giúp du khách trải nghiệm cuộc sống thường ngày cùng người dân bản địa. Bằng cách này, du khách sẽ được hòa mình vào các hoạt động diễn ra hàng ngày với chính cộng đồng địa phương tại điểm đến, từ đó mang lại những trải nghiệm chân thật nhất về những giá trị văn hóa truyền thống bản địa.

Song song với việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm hướng tới xây dựng những sản phẩm DLCĐ “xanh” là một chiến lược mà luôn được cơ quan quản lý du lịch Thái Lan quan tâm. Bởi cộng đồng địa phương không chỉ dựa vào các giá trị văn hóa của cộng đồng mình để phát triển du lịch mà còn có thể dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên trong lãnh thổ cộng đồng ấy để xây dựng những sản phẩm du lịch kết hợp cả yếu tố tự nhiên và văn hóa, góp phần mang lại những trải nghiệm trọn vẹn nhất cho du khách.

Đặc biệt, luôn coi DLCĐ là một cách thức giúp cộng đồng địa phương xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống nên các cơ quan quản lý du lịch Thái Lan luôn khuyến khích chính các địa phương có tiềm năng du lịch tham gia vào chuỗi liên kết cung ứng các dịch vụ du lịch cho du khách. Thay vì để các tổ chức kinh doanh khác ngoài lãnh thổ cộng đồng tham gia vào quá trình phục vụ du khách, cộng đồng địa phương được khuyến khích tham gia vào tất cả các khâu cung cấp dịch vụ cho du khách khi họ tham gia các hoạt động DLCĐ tại địa phương. Bằng cách này, lợi nhuận thu được sẽ quay về địa phương, góp phần đạt được những mục tiêu đã đặt ra cho việc phát triển DLCĐ.

Bên cạnh đó, ở Thái Lan có Bản Huay Hee trong khuôn viên Vườn quốc gia Mã Hồng Sơn, thuộc đỉnh núi Doi Pui. Dân cư thuộc dân tộc thiểu số chủ yếu là người Karen với phong tục thờ lại hình tượng và tin vào thế lực siêu nhiên thần Đất, thần Nước, 99% theo đạo Thiên Chúa giáo. Để quản lý hoạt động DLCĐ này, Chính phủ Thái Lan đã có nhiều giải pháp quản lý, đặc biệt Ban quản lý còn có ý

định dời toàn bộ bản làng ra khỏi Vườn quốc gia, tuy nhiên bị cư dân phản ứng tiêu cực như: đốt rừng, khai thác tài nguyên tăng lên... Trước tình hình đó, Thái Lan đã phối hợp các cơ quan, đơn vị như Quỹ Hỗ trợ nghiên cứu, Quỹ An ninh dân tộc thiểu số và các công ty lữ hành để thành lập dự án phát triển DLCĐ, mục đích để LKKT giữa các chủ thể tham gia vào DLCĐ, nâng cao điều kiện dân sinh, nhận thức về trách nhiệm cộng đồng và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Chính quyền địa phương đã cùng người dân bản làng tiến hành điều tra, đánh giá lại tài nguyên và xây dựng lý tưởng các dịch vụ du lịch, cùng người dân hoạch định, xác định mục tiêu, kế hoạch hành động, tổ chức tập huấn các kỹ năng dịch vụ lưu trú, nhà hàng, thử nghiệm các sản phẩm DLCĐ... chính quyền cùng với người dân bàn bạc, đóng góp ý kiến, xây dựng kế hoạch, phân công thành viên trong bộ tộc tổ chức thực hiện. Ngoài ra, cộng đồng đã đề xuất ý tưởng về các quy định, chính sách giá cả và tự điều chỉnh công bằng thông qua việc cung cấp dịch vụ theo phương pháp luân phiên giữa các chủ thể tham gia LKKT trong DLCĐ để đảm bảo đoàn kết, cùng chia sẻ lợi ích. Người dân tham gia liên kết cung cấp dịch vụ DLCĐ được hưởng 80% thu nhập do hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch, đóng góp vào quỹ phát triển cộng đồng 5%, đóng góp vào Ban quản lý du lịch làng 15%, đồng thời, qua đó đã giải quyết được công ăn việc làm cho chính người dân tại địa phương (Võ Huệ (2006).

Kinh nghiệm của Malaysia

Malaysia cũng là đất nước nằm ở khu vực Đông Nam Á, có những điều kiện thuận lợi cho phát triển DLCĐ tương đồng với Việt Nam. Trong quá trình phát triển là hình du lịch này, về chính sách quản lý hỗ trợ và phát triển, Chính phủ Malaysia cho phép hiệp hội du lịch homestay cấp giấy phép cho những hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú, triển khai các chương trình xúc tiến, phát triển du lịch xây dựng mô hình điểm. Các chương trình du lịch homestay được khuyến khích chọn vì đó là mô hình điểm để các địa phương khác noi theo. Mối quan hệ phối hợp giữa người dân và chính quyền địa phương tương đối mật thiết, trong đó, các hộ dân được khuyến khích tham gia trực tiếp chương trình quảng bá du lịch tại nước ngoài; khách du lịch homestay được lưu trú ở nhà dân, được thưởng thức món ăn địa phương, tìm hiểu phong tục tập quán cách thức sinh hoạt của cộng đồng và tham gia vào các hoạt động văn hóa văn nghệ sản xuất cùng với cộng đồng.

Chính phủ Malaysia cũng ban hành nhiều chính



sách để thu hút đầu tư vào DLCĐ như cho các hộ dân vay vốn với lãi suất thấp, bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn của chính phủ, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch về thuế; hỗ trợ chuyên gia tư vấn, nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm của địa phương. Chính phủ cũng đầu tư nâng cao chất lượng các cơ sở lưu trú để tạo ra sản phẩm DLCĐ đặc thù, mặt khác, các chính quyền địa phương có điều kiện thuận lợi cho phát triển DLCĐ cũng đầu tư xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng, các dịch vụ bổ sung, cải thiện môi trường để ưu tiên cho phát triển DLCĐ tại địa phương mình.

Để hỗ trợ cho người nông dân xây dựng mô hình và cải thiện thu nhập từ DLCĐ, Chính phủ Malaysia và chính quyền địa phương rất quan tâm đầu tư cho xúc tiến phát triển DLCĐ. Một mặt, địa phương yêu cầu các doanh nghiệp du lịch tích cực tham gia vào kế hoạch xúc tiến quảng bá, xây dựng các chương trình du lịch homestay để kéo dài thời gian lưu trú của khách. Các doanh nghiệp trong chuỗi liên kết và các hộ kinh doanh DLCĐ khi tham gia chương trình sẽ sử dụng một logo chung và logo này được xuất hiện trên các ấn phẩm và chương trình quảng cáo. Mặt khác, các doanh nghiệp du lịch quan tâm hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các hộ nông dân trực tiếp tham gia làm dịch vụ du lịch, cử giảng viên và cán bộ quản lý được đào tạo kiến thức chuyên môn quản lý giúp đỡ các hộ gia đình trong việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ kỹ năng chăm sóc khách hàng, nâng cao khả năng ngoại ngữ, nắm kiến thức kinh tế về tìm hiểu nhu cầu thị hiếu khách hàng hoặc những kỹ năng marketing cơ bản, có khả năng áp dụng được công nghệ thông tin và quá trình quảng bá sản phẩm ...

Kinh nghiệm của Indonesia

Indonesia có Vườn quốc gia Gunung nằm trên dải đất rừng rộng thấp ở phía Tây Java với diện tích 40.000 ha, có 237 loài động vật và có khoảng 500 loài cây có hoa, khoảng 204 loại chim... Cộng đồng dân cư nơi đây có 02 dân tộc sinh sống, trong đó bộ lạc Kasepuhan bản xứ sinh sống tại vùng này trải qua nhiều đời với nền nông nghiệp trồng lúa nước và làm nương rẫy, sản phẩm chính là cây công nghiệp, là đường lấy từ lá cọ, các hàng thủ công mỹ nghệ làm từ mây, cây song. Đa số người dân là nông dân thuần chất, có ý thức rất cao trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên. Người dân nơi đây có một nền văn hóa, nghệ thuật truyền thống dân tộc độc đáo như múa, âm nhạc, võ thuật đã thu hút được rất nhiều du khách trong nước và quốc tế (Võ Huế (2006).

Để đạt được mục đích phát triển DLCĐ, Chính

phủ nước này đã có quyết định thành lập Ban quản lý Vườn quốc gia, qua đó đã phối hợp, liên kết với người dân tham gia các hoạt động cung cấp các dịch vụ DLCĐ cho khác như thức ăn, nước uống, nơi lưu trú nghỉ ngơi trong quá trình tham quan để hạn chế việc du khách tự mang thức ăn, thực phẩm đến sẽ gây ô nhiễm môi trường, nhất là thảm họa cháy rừng. Khách tham quan, nghỉ dưỡng chiếm 46,9% tham quan giáo dục tìm hiểu thiên nhiên và văn hóa bản địa chiếm 37,6%, cho nghiên cứu là 8,7%, du lịch leo núi là 6,8%. Từ khi thực hiện việc LKKT phát triển DLCĐ, người dân bản địa đã tăng thu nhập đáng kể, doanh thu của du lịch đã đóng góp đáng kể vào thu nhập của mỗi hộ gia đình chiếm 11%. Việc chia sẻ, phân phối lợi ích cho các chủ thể tham gia LKKT luôn được quan tâm hàng đầu trong phát triển du lịch nơi đây. Đặc biệt, do điều kiện khách quan là không có cơ sở lưu trú để đảm bảo vệ sinh, an toàn cho du khách nên các chủ thể tham gia LKKT đã phối hợp xây dựng các nhà nghỉ cộng đồng cho người dân bản địa quản lý và kinh doanh, mỗi làng luôn có sự hỗ trợ về kinh nghiệm của nhân viên dự án, mỗi nhà nghỉ đều có một tài khoản ngân hàng, mọi tích lũy chi tiêu của từng nhà được thảo luận giữa các bên có liên quan do chủ nhà đứng ra tổ chức.

Có thể nhận thấy, việc phát triển DLCĐ ở Indonesia thành công là do thỏa mãn 02 vấn đề: Thứ nhất, sự quan tâm của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng, điều kiện vệ sinh môi trường; Thứ hai, hợp tác, LKKT được toàn thể cộng đồng dân cư tham gia cung cấp dịch vụ phục vụ du khách, động viên cộng đồng tham gia bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên và nhân văn bền vững (Võ Huế (2006).

Một số đề xuất cho Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về liên kết kinh tế trong phát triển du lịch cộng đồng của 03 nước: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, có thể gợi mở một số bài học cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các chủ thể tham gia LKKT trong phát triển DLCĐ đến các cấp lãnh đạo, quản lý, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp du lịch và người dân hiểu đầy đủ về hiệu quả thiết thực trong việc phát triển DLCĐ ở từng địa phương và vai trò, trách nhiệm của mình khi cùng tham gia phát triển DLCĐ. Qua nhận thức sẽ góp phần hình thành ý tưởng, hành động kinh doanh và đầu tư phát triển DLCĐ.

Thứ hai, đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế của

từng vùng trong cả nước trong việc phát triển DLCD để có chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn gắn với từng vùng, địa phương. Từ đó, phát huy vai trò của chính quyền địa phương trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, khuyến khích người dân địa phương tham gia vào chuỗi LKKT cung cấp các dịch vụ như: homestay, nhà hàng, miệt vườn, sản xuất hàng lưu niệm, đặc sản OCOP gắn với nét văn hóa đặc sắc của từng vùng miền trên cả nước; Đồng thời, quy định hỗ trợ vốn và ưu đãi vốn vay để người dân, doanh nghiệp liên kết, đầu tư phát triển DLCD.

Thứ ba, thực tế cho thấy, cùng một mô hình phát triển DLCD nhưng DLCD ở Thái Lan, Malaysia người dân được hưởng đến 70% - 80% nguồn thu từ du lịch, còn ở Việt Nam hộ nông dân làm nghề chỉ được hưởng từ 20 - 30% nguồn thu từ DLCD. Vì thế, cần có quy chế hoạt động trong mô hình DLCD trên mỗi địa bàn cụ thể, xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ lợi ích giữa các bên tham gia vào LKKT như: chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, chuyên gia tư vấn (nếu có) và với các hộ nông dân trong cộng đồng làm du lịch để đảm bảo phát triển DLCD bền vững. Đồng thời, cần có sự cam kết của các chủ thể tham gia LKKT trong cộng đồng về đảm bảo quyền lợi và chia sẻ lợi ích được hưởng từ DLCD để đảm bảo lòng tin cho cộng đồng.

Thứ tư, ở Thái Lan, chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp xã hội hoạt động du lịch cũng được triển khai, theo đó, ngân hàng quốc gia Thái Lan cho các doanh nghiệp xã hội vay vốn tín dụng đặc biệt, đồng thời có những chính sách hỗ trợ tạo sự đầu tư tại địa phương thông qua ngân hàng địa phương, trong đó ngân hàng quốc gia Thái Lan chịu trách nhiệm quy định các điều kiện cho việc đầu tư tại địa phương thông qua các ngân hàng địa phương. Thông qua các chính sách hỗ trợ thuế cho các hoạt động cộng đồng, các doanh nghiệp xã hội sẽ gián tiếp có thêm lợi ích và điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Chính vì thế, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, để có thể hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh hiệu quả thực hiện các mục tiêu xã hội tại cộng đồng, nhà nước cũng nên đưa ra những chính sách thuế cụ thể để góp phần hỗ trợ hoạt động kinh doanh và phát huy tinh thần kinh doanh của loại hình doanh nghiệp này.

Thứ năm, qua nghiên cứu kinh nghiệm thành công trong việc LKKT để phát triển DLCD ở Indonesia, có thể gợi mở cho Việt Nam mấy vấn đề sau: (1) Cần thành lập ban quản lý tham gia với cộng đồng, hỗ trợ cộng đồng trong việc hoạch

định, quản lý, thực thi các kế hoạch phát triển DLCD nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường; (2) Việc phát triển DLCD phải đi đôi với bảo tồn và bảo vệ tài nguyên, chú trọng quảng cáo về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn có trong vườn quốc gia hoặc trong cộng đồng để thu hút khách du lịch từ nhiều nơi trong nước và quốc tế; (3) Cộng đồng cần được tham gia huấn luyện, phục vụ, hướng dẫn nghiệp vụ và phương pháp bảo vệ tài nguyên du lịch, tập huấn về vệ sinh an toàn; (4) Giao quyền cho cộng đồng và khuyến khích tham gia, được đảm nhận trách nhiệm các công việc có liên quan đến phát triển DLCD; (5) Đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ quyền lợi cho các chủ thể LKKT từ việc phát triển DLCD; (6) Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách trong 5 năm đầu tiên kinh doanh không thu thuế, chính phủ đã đầu tư về hạ tầng chủ yếu là đường, điện và cấp nước.

Thứ sáu, phát huy giải pháp LKKT trong phát triển DLCD bởi LKKT mang lại hiệu quả: Về mặt văn hóa, xã hội, môi trường: LKKT để tăng cường huy động nguồn lực xã hội, đặc biệt là ở cộng đồng địa phương, cư dân bản địa đối với việc bảo tồn tài nguyên, thiên nhiên, góp phần phát triển bền vững, phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống đặc trưng của cộng đồng; Về mặt kinh tế: LKKT giữa các chủ thể góp phần giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống người dân tại địa phương, góp phần vào nguồn thu cho quỹ cộng đồng, ngân sách địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo tại các vùng, địa phương khó khăn.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Minh Anh, Vũ Nam (2018), "Phát triển DLCD ở Việt Nam - Nghiên cứu điển hình tại làng cổ Đường Lâm và Bản Lác", *Tạp chí Khoa học kinh tế - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng*, (01);
2. Vũ Hương Giang, Đào Ngọc Tiên (2018), "Doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực DLCD tại Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (tháng 10);
3. Vũ Hương Giang (2019), *Nghiên cứu phát triển doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực DLCD tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương, Bộ Công Thương;
4. Võ Huế (2006), *DLCD - Lý thuyết và vận dụng*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội;
5. Nguyễn Công Thảo, Nguyễn Thị Thanh Bình (2019), "DLCD trên thế giới: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (7).

Thông tin tác giả:

Huỳnh Hải Đăng, Trường Chính trị thành phố Cần Thơ
NCS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Email: huynhhaidang.cantho@gmail.com